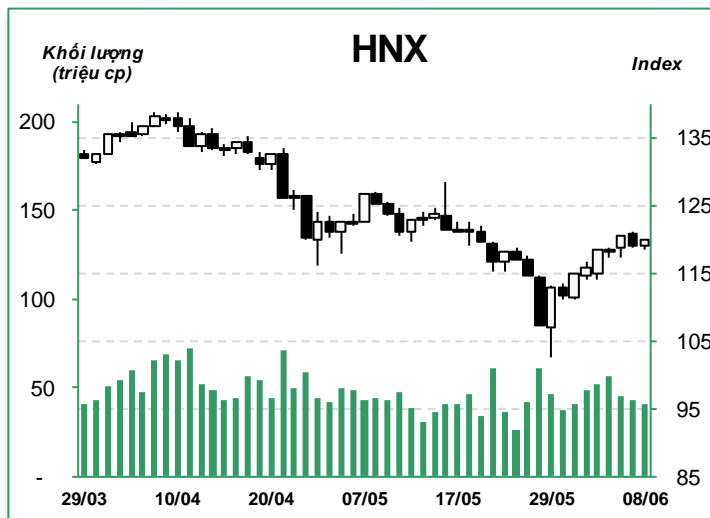
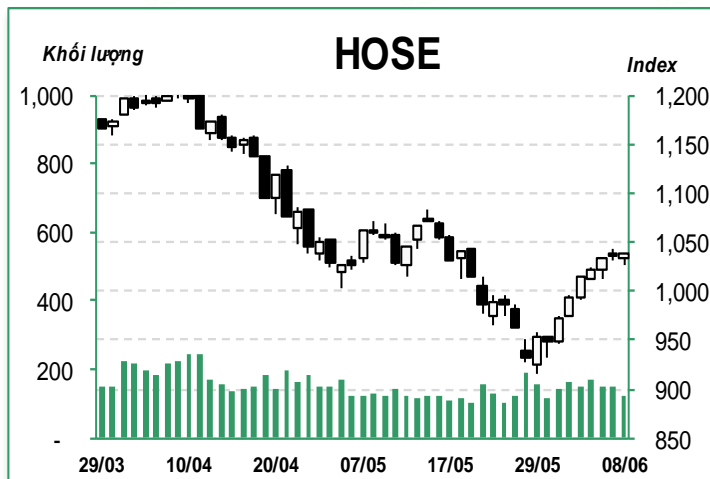


Tổng quan thị trường

| 08/06/2018 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 1,039.01 | 0.22% | 1,025.87 | -0.09% | 119.86 | 0.73% |
| Cuối tuần trước | 992.87 | 4.65% | 969.15 | 5.85% | 115.75 | 3.55% |
| Trung bình 20 ngày | 1,007.46 | 3.13% | 986.47 | 3.99% | 117.78 | 1.76% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 147.14 | -15.02% | 55.02 | -20.90% | 43.80 | -9.13% |
| KLGD khớp lệnh | 124.18 | -18.21% | 46.07 | -23.64% | 40.72 | -4.72% |
| Trung bình 20 ngày | 135.55 | -8.38% | 54.53 | -15.51% | 43.17 | -5.67% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 4,422.59 | -11.80% | 2,528.32 | -15.80% | 609.36 | -14.11% |
| GTGD khớp lệnh | 3,721.19 | -14.16% | 2,100.85 | -19.51% | 568.57 | -15.43% |
| Trung bình 20 ngày | 3,952.48 | 11.89% | 2,411.14 | 4.86% | 621.81 | -2.00% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 118 | 35% | 9 | 30% | 93 | 40% |
| Số mã giảm | 157 | 46% | 16 | 53% | 82 | 35% |
| Số mã đứng giá | 63 | 19% | 5 | 17% | 57 | 25% |



Phiên giao dịch cuối tuần ngày 8/6 tiếp tục thể hiện sự dè dặt của nhà đầu tư sau chuỗi phiên tăng điểm, dẫn đến sự sụt giảm thanh khoản trên thị trường. Ở các mã cổ phiếu có vốn hóa lớn, sự giằng co giữa lực bán và lực mua đã diễn biến quanh vùng giá tham chiếu khiến cho chỉ số thiếu đi sự dẫn dắt. Vào đầu phiên, thị trường mở cửa ở mức giá đò, tiếp nối dấu hiệu giảm điểm xuất hiện vào cuối phiên hôm trước, và nằm dưới mốc tham chiếu trong phần lớn thời gian. Vào cuối phiên, lực mua mạnh dần đã hỗ trợ chỉ số hồi phục trở lại. Kết phiên, cả hai chỉ số đều tăng điểm.

VN-Index đóng cửa tiếp tục tăng nhẹ đạt mốc 1039.01 điểm (+0.22%), với KLGD khớp lệnh đạt 124.2 triệu cổ phiếu (-18.2%), tương đương 3,721 tỷ đồng giá trị (-14.2%).

Biên độ tăng giảm của các nhóm ngành hôm nay hầu như đều ở mức thấp và không tạo ra tác động đáng kể lên chỉ số ngoài trừ nhóm Ngân hàng. Trong phiên hôm nay, ngành Ngân hàng đã trở thành trụ đỡ chính cho VN-Index nhờ vào sự tăng giá tốt ở một số cổ phiếu lớn như TCB (+6.9%) tiếp tục tăng trần phiên thứ hai sau khi sụt giảm liên tục từ lúc lên sàn, VPB (+4.6%), VCB (+1.7%) và BID (+1.0%) cũng có mức tăng giá tốt. Bên cạnh các cổ phiếu Ngân hàng, nhóm Bán lẻ cũng hỗ trợ thị trường hôm nay với sự dẫn dắt chủ yếu đến từ MWG (+4.0%). Ở chiều ngược lại, nhóm Dầu khí tạo áp lực lớn lên chỉ số khi các cổ phiếu GAS (-2.1%) và PVD (-0.3%) giảm điểm. Nhóm cổ phiếu thuộc ngành Thực phẩm cũng suy giảm trong hôm nay khi các cổ phiếu vốn hóa lớn trong ngành đều giảm điểm, như MSN (-1.5%), SAB (-1.2%) và VNM (-0.2%).

Trên sàn HOSE, khối ngoại quay lại bán ròng trong hôm nay đạt giá trị 31 tỷ đồng, lực bán chủ yếu đến từ quỹ ETF E1VFN30 (-36.8 tỷ) và các cổ phiếu EIB (-34.5 tỷ), DHG (-16.7 tỷ), GAS (-16.3 tỷ). Ở hướng ngược lại, khối ngoại mua vào VNM (+38.6 tỷ), HPG (+18.6 tỷ), SSI (+11.2 tỷ).

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| NVL | 5,374.6 | 295.67 |
| KDC | 2,729.5 | 94.99 |
| PNJ | 368.8 | 72.20 |
| PDN | 520.0 | 31.72 |
| GEX | 800.0 | 26.40 |
| SAM | 2,850.0 | 20.38 |
| HDB | 434.5 | 19.02 |
| KSB | 467.0 | 17.96 |
| BFC | 523.0 | 16.48 |
| DRH | 700.0 | 13.23 |
| HNX | | |
| DNP | 800.0 | 16.80 |
| SHN | 850.0 | 7.57 |
| SHB | 800.1 | 7.52 |
| ACB | 73.9 | 3.20 |
| CIA | 100.0 | 2.92 |
| VIX | 450.0 | 2.79 |
| APS | 165.0 | 0.51 |

Có diễn biến tích cực hơn, HNX-Index đóng cửa với mức tăng giá tốt tại 119.86 điểm (+0.73%), với KLGĐ khớp lệnh đạt 40.7 triệu cổ phiếu (-4.7%), tương đương 568.6 tỷ đồng giá trị (-15.4%).

Nhóm Ngân hàng cũng tăng mạnh trên sàn Hà Nội và là trụ cột chính cho sắc xanh của HNX-Index, các mã Ngân hàng tăng điểm trên sàn Hà Nội là ACB (+1.7%), SHB (+1.1%). Nhóm Vật liệu xây dựng cũng hỗ trợ thị trường trong hôm nay nhờ vào sự tăng điểm đến từ GKM (+4.3%), VIT (+3.8%) và VCS (+2.0%). Ở chiều ngược lại, nhóm Cảng biển gây áp lực chính lên chỉ số chủ yếu do sự giảm điểm mạnh đến từ CAG (-10.0%) và VGP (-6.3%). Các cổ phiếu thuộc nhóm Phân bón như NFC (-9.4%) và LAS (-4.0%) cũng giảm mạnh trong hôm nay.

Trên sàn Hà Nội, khối ngoại cũng bán ròng đạt giá trị 18.6 tỷ đồng, chủ yếu bán ra các mã VGC (-9.7 tỷ), STC (-8.5 tỷ), PVS (-3.7 tỷ), và mua vào CIA (+2.9 tỷ), TTZ (+1.1 tỷ), VCS (+1.0 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ bảy liên tiếp. Không những vậy, chỉ số tiếp tục duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác như MACD và RSI đang đi lên tích cực cho thấy chỉ số có thể tiến lên thử thách vùng kháng cự 1.046 điểm (Fib 78.6). Tuy nhiên, khi quan sát kỹ diễn biến trên đồ thị ngày, chúng tôi nhận thấy chỉ số đang đi lên với độ dốc hơn 45 độ, kèm theo khối lượng giao dịch có dấu hiệu suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường có tín hiệu suy giảm. Do đó, chúng tôi không loại trừ, kịch bản chỉ số có thể sẽ sớm xuất hiện một đợt điều chỉnh kỹ thuật nhằm củng cố lại xu hướng phục hồi bền vững hơn trong những phiên tới. Vùng hỗ trợ mạnh có thể là vùng 1.000 – 1.010 (vùng tâm lý và MA20). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại, và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng 122.4 điểm (Fib 78.6). Nhìn chung, xu hướng phục hồi ngắn hạn của thị trường vẫn đang được duy trì. Do đó, nhà đầu tư có thể gia tăng thêm một tỷ trọng nhỏ cổ phiếu có cơ bản tốt, triển vọng kinh doanh khả quan và mức P/E hợp lý vào các phiên điều chỉnh của thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HLG | 9.5 | 0.2 | 7.0% |
| HT1 | 13.1 | 340.7 | 7.0% |
| LGC | 21.5 | 6.4 | 7.0% |
| FCN | 17.7 | 1,938.6 | 7.0% |
| HSG | 13.2 | 4,127.6 | 6.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| TIE | 7.8 | 0.0 | -7.0% |
| PLP | 14.9 | 109.5 | -6.9% |
| HOT | 41.4 | 1.0 | -6.9% |
| SAV | 8.6 | 4.0 | -6.9% |
| HTV | 16.6 | 1.0 | -6.7% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG | 61.3 | 221.6 | -1.0% |
| TCB | 105.2 | 208.5 | 6.9% |
| VPB | 51.8 | 207.8 | 4.7% |
| NVL | 54.0 | 185.5 | -0.9% |
| VCB | 59.7 | 160.8 | 1.7% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| MBB | 30.8 | 4,837.1 | -0.5% |
| CTG | 28.6 | 4,767.5 | 0.7% |
| DXG | 33.8 | 4,570.8 | 1.7% |
| SSI | 34.0 | 4,475.1 | 2.0% |
| SCR | 10.2 | 4,266.5 | 6.6% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| KHB | 0.7 | 243.0 | 16.7% |
| BII | 0.8 | 120.8 | 14.3% |
| ACM | 0.9 | 246.9 | 12.5% |
| SVN | 2.2 | 41.2 | 10.0% |
| PVV | 1.1 | 71.7 | 10.0% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| KSK | 0.5 | 417.4 | -16.7% |
| STC | 22.5 | 376.9 | -10.0% |
| VSM | 11.7 | 0.1 | -10.0% |
| THS | 9.0 | 0.1 | -10.0% |
| LTC | 3.6 | 0.2 | -10.0% |

Top 5 giá trị

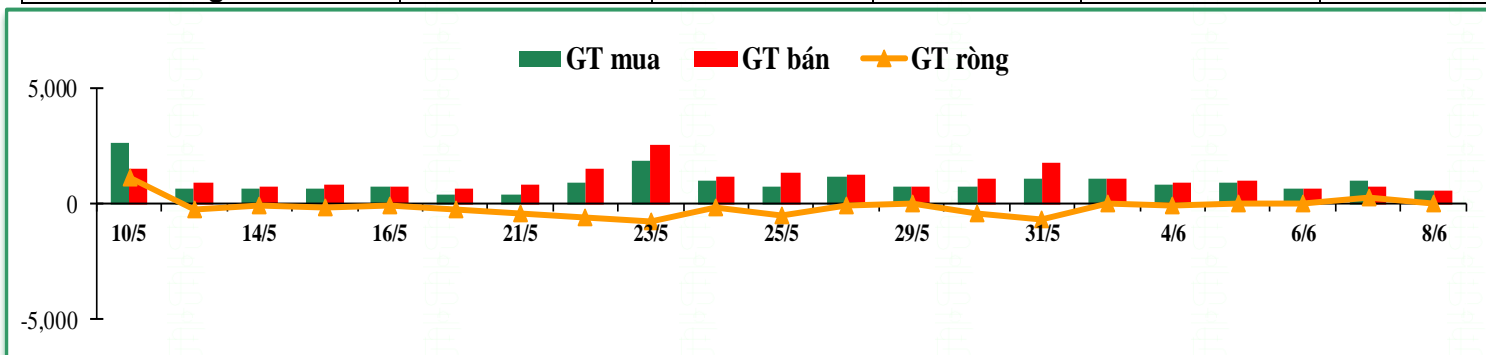
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB | 43.1 | 158.5 | 1.7% |
| SHB | 9.5 | 49.4 | 1.1% |
| PVS | 18.0 | 47.4 | 1.1% |
| VGC | 24.4 | 33.6 | -0.4% |
| DNP | 20.7 | 31.3 | 2.5% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| SHB | 9.5 | 5,251.1 | 1.1% |
| DST | 3.0 | 5,002.4 | -6.3% |
| ACB | 43.1 | 3,703.0 | 1.7% |
| PVS | 18.0 | 2,639.5 | 1.1% |
| HUT | 6.6 | 1,857.7 | -1.5% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| HOSE | 536.6 | 14.4% | 532.9 | 14.3% | 3.8 |
| HNX | 12.4 | 2.2% | 31.0 | 5.5% | -18.6 |
| Tổng số | 549.0 | | 563.9 | | -14.8 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM | 177.0 | 61.0 | -0.2% |
| HPG | 61.3 | 48.6 | -1.0% |
| VJC | 179.0 | 39.1 | 0.0% |
| VIC | 124.2 | 36.7 | 0.0% |
| VHM | 120.0 | 31.4 | 0.0% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VIC | 124.2 | 47.6 | 0.0% |
| VJC | 179.0 | 36.0 | 0.0% |
| HPG | 61.3 | 30.0 | -1.0% |
| VHM | 120.0 | 29.7 | 0.0% |
| PNJ | 183.7 | 27.6 | 0.4% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VNM | 177.0 | 38.6 | -0.2% |
| HPG | 61.3 | 18.6 | -1.0% |
| SSI | 34.0 | 11.2 | 2.0% |
| VCB | 59.7 | 11.1 | 1.7% |
| CTD | 157.5 | 10.2 | -1.4% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| CIA | 32.3 | 2.9 | 0.0% |
| TTZ | 7.8 | 2.0 | -1.3% |
| PVS | 18.0 | 1.8 | 1.1% |
| CEO | 17.2 | 1.5 | -1.7% |
| VCS | 104.5 | 1.2 | 2.0% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VGC | 24.4 | 9.7 | -0.4% |
| STC | 22.5 | 8.5 | -10.0% |
| PVS | 18.0 | 5.5 | 1.1% |
| CEO | 17.2 | 1.3 | -1.7% |
| PLC | 19.0 | 1.0 | -0.5% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| CIA | 32.3 | 2.9 | 0.0% |
| TTZ | 7.8 | 1.1 | -1.3% |
| VCS | 104.5 | 1.0 | 2.0% |
| SHB | 9.5 | 0.4 | 1.1% |
| SHS | 16.9 | 0.3 | 0.6% |

Tin trong nước

Phân bón sẽ được áp 5% thuế VAT

Bộ Tài chính cho biết tại dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 6 Luật thuế, phân bón sẽ được chuyển sang đối tượng chịu thuế VAT với thuế suất ưu đãi 5%.

Đây chính là ý kiến mà Bộ Tài chính đưa ra trong trả lời ý kiến cử tri về mức thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với phân bón nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước như đề xuất trước đó ("Doanh nghiệp thất thế, Nhà nước thất thu", Tuổi Trẻ ngày 2-6).

Theo phương án này, doanh nghiệp sản xuất phân bón sẽ được khấu trừ thuế VAT đầu vào. Do số thuế VAT đầu ra tính theo mức thuế suất 5% trong khi máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, điện... phục vụ sản xuất phân bón chịu thuế VAT với mức thuế suất 10% nên những doanh nghiệp này cơ bản được hoàn thuế VAT.

Dư nợ nước ngoài của Việt Nam tăng đột biến 73%

Chính phủ cho biết, hết năm 2017, tổng dư nợ nước ngoài của quốc gia là 2,451 triệu tỉ đồng, bằng 49% GDP, vẫn nằm trong giới hạn cho phép là dưới 50% GDP. Tuy nhiên, chỉ số nợ nước ngoài của quốc gia có xu hướng tăng so với 2016 và tiệm cận ngưỡng nợ nước ngoài của quốc gia đã được Quốc hội phê duyệt. Vay ngắn hạn nước ngoài đã cán mốc 21.9 tỉ đô la trong năm 2017, trong số này có 4.8 tỉ đô la Mỹ của Vietnam Beverage để thanh toán cho Bộ Công Thương trong thương vụ mua cổ phần của Sabeco.

Theo Quyết định của Thủ tướng phê duyệt chương trình quản lý nợ trung hạn 2016-2018 thì hạn mức tăng dư nợ nước ngoài ngắn hạn hàng năm tối đa 10%/năm. Hiện mức tăng ngắn hạn năm 2017 đã là 73% nên ảnh hưởng đến dư nợ vay ngắn hạn nước ngoài, ảnh hưởng đến chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài quốc gia và làm giảm dư địa vay nước ngoài quốc gia trong các năm tiếp theo.

Hơn 26 tỷ USD nợ Chính phủ bảo lãnh

Bộ Tài chính vừa có báo cáo tổng hợp tình hình bảo lãnh Chính phủ, trong đó cho biết, tính đến cuối năm 2017, tổng giá trị bảo lãnh Chính phủ quy đổi ước vào khoảng hơn 26 tỷ USD. Trong số này, giá trị bảo lãnh nước ngoài chiếm hơn 84%. Tổng dư nợ gốc ước là 12,5 tỷ USD, giảm so với cuối năm 2016. Trong năm qua số rút vốn mới thấp hơn so với số trả nợ gốc.

Năm vừa qua, Bộ Tài chính không thực hiện cấp bảo lãnh Chính phủ vay vốn nước ngoài cho dự án đầu tư nào.

Dư nợ bảo lãnh ngành điện hiện chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục bảo lãnh Chính phủ (khoảng 64%) do dư nợ các lĩnh vực khác đang giảm dần và không có cấp mới như Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí...

Tin doanh nghiệp niêm yết

Vietinbank dùng 1.345 tỷ đồng trái phiếu huy động năm 2017 cho vay dự án thép

Trong số 4.200 tỷ đồng huy động từ trái phiếu năm trước, Vietinbank chủ yếu cho vay vào các dự án thép và giao thông vận tải, chiếm 57% tổng tiền thu về.

Theo báo cáo tình hình sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu năm 2017, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (HOSE: CTG, Vietinbank) đã huy động 4.200 tỷ đồng.

Với số tiền thu về, Vietinbank đã sử dụng giải ngân cho vay và cơ cấu lại nguồn vốn ngắn hạn tài trợ cho các dự án.

Lĩnh vực được Vietinbank cho vay lớn nhất là dự án thép với 1.345 tỷ đồng giải ngân từ tháng 12/2017 đến tháng 5/2018. Xếp thứ 2 là lĩnh vực giao thông vận tải 1.047 tỷ đồng, được giải ngân vào tháng 11/2017.

Lĩnh vực điện được Vietinbank cho vay với giá trị 500 tỷ đồng, giải ngân trong tháng 11/2017. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng cho vay một số lĩnh vực khác như dự án nước (370 tỷ đồng), cà phê (210 tỷ đồng), vận tải kho bãi (105 tỷ đồng)....

Vietinbank cũng vừa có thông báo sẽ phát hành 4.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng với kỳ hạn 10 năm. Sau 5 năm, ngân hàng có thể thực hiện quyền mua lại, tuy nhiên chỉ có thể mua lại toàn bộ mà không được mua một phần.

Lãi suất trái phiếu được thả nổi và xác định bằng lãi suất tham chiếu (lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng có vốn nhà nước) cộng thêm 0,8%. So với đợt trái phiếu phát hành hai tháng cuối năm ngoái (+1,2%), mức biên độ lãi suất cộng thêm mà trái chủ được hưởng chỉ bằng 2/3.

Số tiền huy động được trong đợt phát hành trái phiếu sắp tới dự kiến sẽ sử dụng để cho vay vào các lĩnh vực như điện (1.232 tỷ đồng), xây dựng (893 tỷ đồng), nước (591 tỷ đồng),...

Quý thuộc Dragon Capital vừa bán 200.000 cổ phiếu MBB

Quý đầu tư VEIL, một quỹ trực thuộc Dragon Capital đã bán ra 200.000 cổ phiếu MBB. Lượng cổ phiếu do VEIL nắm giữ hiện giảm về còn 26,1 triệu cổ phiếu, tương đương 1,437%.

Theo đó, tổng lượng cổ phiếu nhóm 8 quỹ đầu tư do Dragon Capital quản lý nắm giữ hiện xấp xỉ 108,92 triệu cổ phiếu. Tỷ lệ sở hữu của nhóm giảm từ 6,01% xuống còn 5,99% sau giao dịch trên.

VEIL cho biết đã bán cổ phiếu nhà băng này vào ngày 30/5.

Ngoài MBB, các quỹ do Dragon Capital quản lý cũng đã bán thỏa thuận 5,5 triệu cổ phiếu Vinamilk, thu về 902 tỷ đồng vào 23/5 vừa qua. Số cổ phần VNM trên được chuyển cho Jardine Matheson, một cổ đông lớn của Vinamilk đồng thời cũng đang mạnh tay đầu tư vào nhiều doanh nghiệp F&B của Việt Nam.

Nhóm SBI Holdings sẽ mua thêm hơn 17,4 triệu cổ phiếu để giữ tỷ lệ sở hữu TPBank

Năm tổ chức của SBI Holdings vừa đồng loạt công bố sẽ mua thêm cổ phần trong đợt chào bán riêng lẻ tới đây của Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank, mã TPB-HOSE). UBCKNN đã chấp thuận phương án phát hành riêng lẻ 87,6 triệu cổ phần, tương đương 15% vốn điều lệ trước phát hành.

Do đăng ký mua thêm đúng bằng tỷ lệ phát hành riêng lẻ của TPBank (15%) nên tỷ lệ sở hữu của nhóm SBI Holdings sẽ không thay đổi so với hiện tại là xấp xỉ 20%. Nhóm cổ đông này sẽ sở hữu thêm 17,4 triệu cổ phiếu, tăng lượng nắm giữ từ 116 triệu cổ phiếu lên 133,45 triệu cổ phiếu TPB. Giao dịch dự kiến thực hiện từ 8/6 đến 7/7.

Nhóm này gồm quỹ SBI Ven Holdings Pre và 4 công ty thuộc sở hữu của SBIH Investment Vietnam. Hai đại diện của SBI Ven Holdings Pre hiện đang giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT TPBank. Chủ tịch HĐQT của 4 doanh nghiệp trên là bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt - Tổng Giám đốc của FPT Capital.

Không riêng cổ đông cũ SBI Holdings, đợt phát hành riêng lẻ của TPBank còn đón thêm dòng vốn ngoại từ quỹ đầu tư Phần Lan PYN Elite Fund. Hồi tháng 12/2017, PYN đã ký hợp đồng cam kết mua cổ phần TPBank. Quỹ đầu tư Phần Lan với quy mô NAV 436 triệu EUR (11.600 tỷ đồng), khi đó đã cam kết chỉ gần 40 triệu USD, để sở hữu 4,99% vốn TPBank sau phát hành.

Cách đây một tuần, bà Bùi Thị Thanh Hương, Phó Tổng giám đốc TPBank đăng ký mua 1 triệu cổ phiếu phát hành mới.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | LN dự kiến | Lỗ dự kiến | Lý Do |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|-----------------------------|
| 1 | TCM | Nắm giữ | 4/6/2018 | 22.3 | 19.8 | 12.7% | 23.3 | 18.5 | 18% | -6% | Xu hướng phục hồi tiếp diễn |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | LN dự kiến | Lỗ dự kiến | Ghi Chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | CAV | Nắm giữ | 25/5/2018 | 50.0 | 49.8 | 0.3% | 56.0 | 48.0 | 12% | -4% | |
| 2 | SKG | Mua | 1/6/2018 | 27.6 | 25.1 | 10.2% | 30.4 | 23.7 | 21% | -5% | |
| 3 | TCM | Nắm giữ | 4/6/2018 | 22.3 | 19.8 | 12.7% | 23.3 | 18.5 | 18% | -6% | |
| 4 | ACB | Mua | 5/6/2018 | 43.1 | 42.0 | 2.6% | 45.5 | 39.6 | 8% | -6% | |
| 5 | BMP | Mua | 6/6/2018 | 62.5 | 62.6 | -0.2% | 70.0 | 58.5 | 12% | -7% | |
| 6 | MBB | Mua | 7/6/2018 | 30.8 | 30.6 | 0.7% | 37.0 | 29.4 | 21% | -4% | |
| 7 | HDG | Mua | 8/6/2018 | 39.6 | 40.4 | -2.0% | 44.0 | 39.5 | 9% | -2% | |

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2018E (tỷ) | EPS 2018E | BV 2018E | ROE 2018E | ROA 2018E | PE 2018E | PB 2018E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| GAS (New) | HOSE | 97,500 | 110,300 | 05/06/2018 | 11,463 | 5,953 | 24,552 | 25% | 17% | 18.5 | 4.5 | 40% |
| DXG (New) | HOSE | 33,750 | 34,600 | 05/06/2018 | 1,211 | 2,447 | 12,212 | 26% | 12% | 13.0 | 2.6 | 20% |
| NKG (New) | HOSE | 24,550 | 21,445 | 29/5/2018 | 542 | 2,555 | 16,977 | 17% | 7% | 5.7 | 0.9 | 10% |
| MPC (New) | UPCOM | 80,500 | 85,134 | 05/11/2018 | 769 | 10,985 | 71,285 | 19% | 7% | 8.0 | 1.2 | N/A |
| PVS (New) | HNX | 18,000 | 17,025 | 05/10/2018 | 633 | 1,418 | 21,972 | 6% | 3% | 12.0 | 0.8 | 5% |
| NT2 (New) | HOSE | 29,000 | 33,800 | 05/09/2018 | 816 | 2,835 | 16,653 | 17% | 8% | 11.9 | 2.0 | 30% |
| ANV (New) | HOSE | 25,800 | 24,333 | 05/07/2018 | 218 | 1,755 | 11,268 | 16% | 7% | 13.9 | 2.2 | N/A |
| STK (New) | HOSE | 16,200 | 20,500 | 05/07/2018 | 135 | 1,905 | 12,940 | 15% | 6% | 11.0 | 1.6 | N/A |
| IDI | HOSE | 13,200 | 15,563 | 20/4/2018 | 377 | 2,106 | 15,089 | 16% | 6% | 7.4 | 1.0 | N/A |
| PVT | HOSE | 17,000 | 26,000 | 04/12/2018 | 522 | 1,856 | 13,958 | 14% | 14% | 14.0 | 1.9 | N/A |
| VHC | HOSE | 60,400 | 75,798 | 29/03/2018 | 648 | 7,012 | 43,690 | 20% | 12% | 10.8 | 1.7 | 20% |
| NLG | HOSE | 30,600 | 39,000 | 30/03/2018 | 584 | 3,100 | 21,210 | 9% | 21% | 12.6 | 1.8 | N/A |
| PLX | HOSE | 68,200 | 92,400 | 30/03/2018 | 4,867 | 4,200 | 15,548 | 23% | 7% | 22.0 | 5.6 | N/A |
| PVD | HOSE | 14,750 | 20,200 | 21/03/2018 | (272) | (710) | 33,703 | -2% | -1% | N/A | 1 | N/A |
| PNJ | HOSE | 183,700 | 176,000 | 02/08/2018 | 906 | 8,384 | 33,322 | 22% | 16% | 19 | 5 | N/A |
| DHA | HNX | 28,350 | 39,202 | 02/02/2018 | 70 | 4,612 | 28,170 | 16% | 15% | 9 | 1 | 25% |
| BMP | HOSE | 62,500 | 86,800 | 01/03/2018 | 475 | 5,808 | 33,307 | 18% | 15% | 15 | 3 | N/A |
| HPG | HOSE | 61,300 | 71,800 | 28/02/2018 | 9,089 | 6,045 | 21,047 | 28% | 17% | 12 | 2 | 30% |
| KDF | UPCOM | 34,000 | 73,000 | 26/01/2018 | 211 | 3,750 | 14,161 | 25% | 15% | 23.6 | 4.5 | N/A |
| BSR | UPCOM | 19,000 | 27,343 | 26/01/2018 | 9,253 | 2,984 | 13,168 | 24% | 14% | 15.0 | 3.4 | N/A |
| HVN | UPCOM | 37,200 | 46,300 | 09/01/2018 | 2,756 | 1,904 | 14,032 | 15% | 3% | 24.0 | 3.2 | 10% |
| HUT | HNX | 6,600 | 15,408 | 27/12/2017 | 514 | 1,926 | 16,117 | 12% | 4% | 8.0 | 1.0 | N/A |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2018 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5479

Fax: (84-8) 5 413 5472

Customer Service: (84-8) 5 411 8855

Call Center: (84-8) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 5 413 5478

Fax: (84-8) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3 820 8068

Fax: (84-8) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-4) 6 250 9999

Fax: (84-4) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-8) 3 813 2401

Fax: (84-8) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-4) 3 933 4566

Fax: (84-4) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-31) 384 1810

Fax: (84-31) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.